

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm dự án, công trình và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tam Đường và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tam Đường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 65/NQ- HĐND ngày 10/12/2021, số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022, số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 về chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 659/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tam Đường; số 2993/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tam Đường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2117/TTr-STNMT ngày 08/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình, nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030

của huyện Tam Đường và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tam Đường đối với 16 dự án, công trình, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 03 dự án, công trình.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 03 dự án, công trình.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 02 dự án, công trình.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình đối với 08 công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

*(Có biểu chi tiết vị trí, địa điểm, diện tích cụ thể của các công trình, dự án kèm theo)*

Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh.

## **Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị**

1. Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường
  - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
  - b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. Sở Tài nguyên và Môi trường
  - a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.
  - b) Tham mưu thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
4. Chủ đầu tư các công trình, dự án và các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tam Đường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Trọng Hải**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM  
VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030  
CỦA HUYỆN TAM ĐƯỜNG VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN TAM ĐƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích</b>								
1	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Xã Bình Lư, Bản Hôn và thị trấn Tam Đường	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 5,75 ha, đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,071 ha, đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,385 ha, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,352 ha, đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,177 ha, đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,014 ha, đất ở tại nông thôn (ONT) 0,053 ha, đất ở tại đô thị (ODT) 0,054 ha, đất giao thông (DGT) 0,667 ha, đất sông suối (SON) 0,036 ha, đất thủy lợi (DTL) 1,221 ha, đất đồi chưa sử dụng (DCS) 0,22 ha.	8,87	DGT	9,0	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh về diện tích và cơ cấu các loại đất, thay đổi hướng tuyến do thời điểm đăng ký quy hoạch sử dụng đất cơ cấu các loại đất chưa được đo đạc chi tiết
2	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,5 ha, đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,18 ha, đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,09 ha, đất thủy lợi (DTL) 0,05 ha, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (DSK) 0,23 ha, đất chưa sử dụng (DCS) 0,05 ha.	1,51	TSC	2,1	TSC	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án để đảm bảo phù hợp với phạm vi, ranh giới đã được HĐND tỉnh chấp thuận danh mục dự án thu hồi đất
3	Đường liên xã Khun Há - Bản Bo	Các xã: Khun Há, Bản Bo, Nà Tăm	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,3 ha; đất bằng hàng năm khác (BHK) 0,03 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,83 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 4,06 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,02 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 10,18 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,01 ha; đất giao thông (DGT) 0,49 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,02 ha; đất sông suối (SON) 0,04 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 0,02 ha.	13,7	DGT	18,0	DGT	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh	Thay đổi hướng tuyến để tăng tính hiệu quả của dự án đầu tư

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>II Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích</b>									
1	Thủy điện Nậm Hồ	Xã Tả Lèng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,43 ha, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,16 ha, đất rừng sản xuất (RSX) 0,85 ha, đất ở tại nông thôn (ONT) 0,05 ha, đất sông suối (SON) 0,12 ha, đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,08 ha.	7,97	DNL	4,69	DNL	Quyết định số 855/QĐ-BCT ngày 11/3/2021 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung dự án thủy điện Nậm Hồ vào quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh quy mô giảm diện tích và cập nhật diện tích thực tế theo nhu cầu sử dụng đất
2	Đất nuôi trồng thủy sản	Xã Khun Há	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,22 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,19 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,02 ha.	0,5	NTS	0,43	NTS	- Tờ trình số 1015/TTr-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Tam Đường; - Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân ngày 07/6/2022.	Điều chỉnh diện tích, địa điểm khu đất nuôi trồng thủy sản phù hợp với nguồn nước
3	Xử lý điểm tiềm ẩn TNGT tại Km74+600; Km75+100, QL4D, tỉnh Lai Châu	Xã Sơn Bình	Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,36 ha, đất giao thông (DGT) 0,33 ha, đất đồi chưa sử dụng (DCS) 0,22 ha.	1,13	DGT	0,91	DGT	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh ranh giới thực hiện dự án phù hợp với thiết kế dự án đã được phê duyệt sau khi được đo đạc chi tiết
<b>III Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích</b>									
1	Thủy điện Nà An	Xã Bản Bo	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,1 ha; đất sông suối (SON) 5,6 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,0 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,5 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1 ha; đất bãi trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,1 ha; đất giao thông (DGT) 0,05 ha.	8,45	DNL	8,45	DNL	- Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21/9/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh ranh giới lòng hồ dự án để đảm bảo mực nước dâng bình thường của hồ chứa, điều chỉnh vị trí, ranh giới biên chiếm đất thực hiện dự án
2	Xây dựng Trụ sở Đội truyền tải điện Tam Đường	Xã Bình Lư	Đất bãi trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,24 ha, đất giao thông (DGT) 0,06 ha.	0,3	DNL	0,3	DNL	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022	Điều chỉnh ranh giới thực hiện dự án để hoàn trả làm đường dân sinh
<b>IV Điều chỉnh tăng về số lượng dự án, công trình</b>									
1	Xử lý điểm đen tại nạn giao thông đoạn Km46+800 -	Các xã: Giang Ma, Tả	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,02 ha, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,63 ha, đất trồng cây lâu			1,5	DGT	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Km47+700, QL4D tỉnh Lai Châu	Lèng	năm (CLN) 0,03 ha, đất rừng sản xuất (RSX) 0,10 ha, đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04 ha, đất giao thông (DGT) 0,68 ha.						
2	Trang trại chăn nuôi 4800 heo hậu bị tại xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Xã Thèn Sin	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,65 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,83 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,81 ha.			4,29	NKH	- Văn bản số 222/UBND-TCKH ngày 27/02/2023 của UBND huyện Tam Đường - Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân ngày 15/01/2023.	
3	Mỏ chì kẽm Khun Há (thuộc mỏ sắt Khun Há)	Xã Khun Há	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 11,0 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,8 ha; đường giao thông (DGT) 0,2 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,1 ha.			12,1	SKS	Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ chì – kẽm Khun Há (thuộc mỏ sắt Khun Há), xã Khun Há, huyện Tam Đường	
4	Nhà máy chè Việt Vương	Xã Bản Bo	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,59 ha.			0,59	SKC	Công văn số 1706/UBND-TH ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh.	
5	Xây dựng trạm chiết nạp khí hóa lỏng Lai Châu	Xã Bản Giang	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,65 ha.			0,65	TMD	Công văn số 1860/UBND-TH ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh	
6	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thương mại và xuất khẩu trà, nông sản	Xã Bản Giang	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,76 ha.			0,76	SKC	Công văn số 2520/UBND-TH ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh	
7	Đất thương mại, dịch vụ	Xã Khun Há	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,15 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,3 ha.			0,45	TMD	- Tờ trình số 1015/TTr-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Tam Đường; - Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân ngày 07/6/2022.	

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Lý do
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Đất ở tại nông thôn	Xã Khun Há	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,3 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,42 ha.			1,72	ONT	- Tờ trình số 1015/TTr-UBND ngày 19/7/2023 của UBND huyện Tam Đường; - Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân ngày 07/6/2022.	